

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2021/HS-ST

Ngày : 09/6/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng.

2. Bà Nguyễn Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 189/2021/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Hà Ngọc Huỳnh G (Hà Thị Như Q; Bé Ba); sinh năm: 1992; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1TN đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú: 40/2A đường A, phường B, thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Hà Văn Hồng L và bà Trần Thị Mỹ Lh; bị cáo có chồng tên Phạm Minh Hu và 02 con (Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1990; cư trú: 1343 đường A, Phường B, thành phố C (Quận 2 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2019, Hà Ngọc Huỳnh G dùng tên gọi khác là Hà Thị Như Q kết bạn qua mạng xã hội rồi quen biết với anh Hồ Văn HH. Đến khoảng tháng 02/2020, G thường đến nhà của anh H tại số 1321 Nguyễn Thị Định, Khu phố 3, Phường Cát Lái, Quận 2 chơi. Tại đây, G tự giới thiệu với H và chị Nguyễn Thị Hòa là người quen của anh H là mình đang làm nghề mua bán khẩu trang y tế có điều kiện để mua bán khẩu trang y tế với quy mô lớn vì có người thân làm trong ngành Công an giúp G mua được nguồn khẩu trang y tế với số lượng lớn từ Bộ Y tế, đảm bảo chất lượng, nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng. Khi G và chị H gặp gỡ, tiếp xúc thì G rủ chị H làm ăn với G theo cách thức: “Để được mua khẩu trang với giá rẻ theo đơn giá 3.100.000 đồng/thùng thì phải thanh toán tiền hàng trước, từ 07 đến 10 ngày sau sẽ nhận được hàng”. Tưởng là thật, chị H tin tưởng lời nói của G là có thật, vào khoảng 09 giờ ngày 13/3/2020 (trong đợt phòng chống dịch Covid) chị H đã đưa cho G số tiền 46.500.000 đồng để mua 15 thùng khẩu trang y tế. Nhưng đến ngày 25/3/2020, G chỉ G cho chị H 02 thùng khẩu trang (trị giá là 6.200.000 đồng) và hẹn 01 tuần sau G tiếp 23 thùng còn lại. Nhưng từ ngày 29/3/2020 trở về sau thì chị H không liên lạc được với G. Tuy nhiên, sau đó G đã trả lại cho chị H số tiền 40.300.000 đồng nên chị H không làm đơn tố cáo G.

Vào ngày 13/3/2020, khi G và chị H đang thỏa thuận việc mua bán khẩu y tế với nhau thì chị Nguyễn Thị C là hàng xóm của chị H biết được thông tin về cách thức mua bán khẩu trang y tế giữa G và chị H nên chị C chủ động nói chuyện riêng với G để tìm hiểu nguồn gốc, tiêu chuẩn, chất lượng và giá cả nguồn hàng của G để đặt vấn đề mua sỉ rồi bán lẻ lại cho người khác sinh lời. Lúc này, do cần tiền tiêu xài nên G nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của chị C bằng cách tiếp tục đưa thông tin giả là có ông anh làm bên ngành Công an nên có nguồn khẩu trang y tế giá rẻ cần bán ra bên ngoài để chị C tin tưởng. Sau đó G lên mạng tìm mua 20 hộp khẩu trang y tế và bán cho chị C với giá là 4.600.000 đồng, đồng thời cho số điện thoại để liên lạc tạo lòng tin cho chị C.

Từ ngày 18/3/2020 đến ngày 26/3/2020, chị C đã đưa tiền cho G nhiều lần để đặt các đơn hàng khác nhau và để chị C tin tưởng thì G có lấy tiền của chị C đi mua lẻ một vài thùng khẩu trang được rao bán trên mạng về đưa cho chị C và để chị C không nghi ngờ về việc không G số lượng hàng hóa theo đúng thỏa thuận. G tiếp tục đưa ra thông tin giả là do bên Công ty cung cấp khẩu trang cho G đang nhận rất nhiều đơn hàng nên công nhân làm không kịp. Tổng cộng chị C đã đưa cho G số tiền 112.100.000 đồng tại nhà và trước nhà đối diện nơi chị C ở, địa chỉ: số 1068 – 1072 Nguyễn Thị Định, Khu phố 3, phường Cát Lái, Quận 2, để đặt cọc mua 50 thùng khẩu trang y tế và hứa hẹn sẽ G đủ hàng cho chị C là ngày 28/3/2020, G có ký nhận số tiền đặt cọc vào sổ tay của chị C. Tuy nhiên, từ ngày 28/3/2020 đến ngày 31/3/2020, G không có 50 thùng hàng khẩu trang đưa cho chị C như đã hứa hẹn, tiêu xài hết tiền đã lấy của chị C rồi bỏ trốn. Chị C

không thể tìm gặp G nên làm đơn tố cáo hành vi của Hà Ngọc Huỳnh G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2.

Tại đây, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2, Hà Ngọc Huỳnh G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) quyển sổ tay (bìa màu cam, bên trong được đánh số thứ tự từ 01 đến 32), có chữ viết nội dung, chữ ký và chữ viết họ tên “Hà Thị Như Quỳnh”, chữ viết tên “Quỳnh” tại trang 22, 23, 24, 25 (đã được giám định); 01 (một) tập tài liệu được sao chụp từ điện thoại của bị hại Nguyễn Thị C ghi nhận nội dung trò chuyện bằng tin nhắn giữa chị C với Hà Ngọc Huỳnh G (dùng tên “Away”) được đánh số thứ tự từ 01 đến 204 (đã được xác nhận); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20, màu đen, số seri: R58M537DPNV, số Imei (khe 1): 357086109148633, số Imei (khe 2): 357087109148631 (đã qua sử dụng); 01 (một) sim điện thoại của số 0906734581 của Hà Ngọc Huỳnh G.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị C đã được G và gia đình bồi thường số tiền 112.100.000 đồng nên không yêu cầu đòi bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can.

Về tình tiết định khung hình phạt: Bị can Hà Ngọc Huỳnh G thực hiện hành vi phạm tội khi dịch bệnh Covid 19 đang lây lan nhanh, cả nước đang thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc cách ly phòng chống dịch bệnh nên thuộc trường hợp lợi dụng thiên tai, dịch bệnh. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, được bị hại làm đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ, bị cáo phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số: 153/CT-VKSTPTĐ ngày 12/5/2021 của Viện kiểm sát nhân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hà Ngọc Huỳnh G về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Hà Ngọc Huỳnh G từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tại phiên tòa: Tranh luận, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng, đồng ý với kết luận định giá tài sản và luận tội của kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của mình, hiện bị cáo đng phải nuôi 02 con còn nhỏ, gi đình bị cáo rất khó khăn, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi:

Xét tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Trong tháng 3 năm 2020, do không tiền tiêu xài, mặc dù không quen biết ai và không mua được khẩu trang y tế giá rẻ nhưng G đã nảy sinh ý định gian dối để chiếm đoạt tiền mà chị Nguyễn Thị C số tiền 112.100.000 đồng mà chị C đặt mua khẩu trang y tế.

Đánh giá tính chất vụ án: Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng do lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, mất an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa C. Hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[2] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian cả nước đang thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc cách ly phòng chống dịch bệnh Covid 19. Lợi dụng sự khan hiếm hàng hóa là nguồn khẩu trang y tế, mặc dù không có khả năng nhưng bị cáo vẫn dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bị hại số tiền 112.100.000 đồng nên vi phạm vào tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản điểm c khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, được bị hại làm đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ, bị cáo phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để G dục bị cáo và phòng ngừa C trong xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, chi Nguyễn Thị C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Hà Ngọc Huỳnh G** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hà Ngọc Huỳnh G**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 và Mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016*):

Buộc bị cáo nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng PC10 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc